

Bản án số: 110/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 05-9-2025

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HUẾ, THÀNH PHỐ HUẾ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lương và ông Lê Văn Hường.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Việt Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Huế.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, thành phố Huế:** Ông Trần Quốc Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Huế, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/QĐST-HNGĐ ngày 18/8/2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Huỳnh Thị L, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn T, xã B, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là xã B, thành phố H); có mặt.

- **Bị đơn:** Anh Trương Đình L1, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn P, xã B, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay xã B, thành phố H); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai tại quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Huỳnh Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị L và anh Trương Đình L1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là xã B, thành phố H) vào ngày 19/6/2015 và có tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn.

Theo chị L nguyên nhân là do anh L1 lười nhác, không chịu đi làm, suốt ngày cắm đầu vào điện thoại và không quan tâm đến việc chăm sóc con cái nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau, anh L1 cũng nhiều lần đánh

đập chị L. Mặc dù nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh L1 không chịu thay đổi nên chị L đã bỏ mặc, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2024 đến nay, không ai quan tâm chăm sóc gì đến nhau. Nay, nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn tình cảm gì với nhau nữa, nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trương Đình L1.

Về con chung: Chị L và anh L1 có 03 con chung là cháu Trương Đình Phúc N, sinh ngày 18/9/2014; cháu Trương Đình Phúc K sinh ngày 29/6/2016 và cháu Trương Thị Bảo N1 sinh ngày 11/3/2021. Hiện nay cháu N và cháu K đang ở với anh L1, cháu N1 đang ở với chị L. Nếu ly hôn, chị L có nguyện vọng được nuôi cháu N1, không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con; còn anh L1 nuôi cháu N và cháu K, chị L không cấp dưỡng nuôi 02 cháu.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L xác nhận vợ chồng không có tài sản chung hay nợ chung gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn - anh Trương Đình L1 trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh L1 đồng ý với ý kiến của chị L về quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân. Tuy nhiên về mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình hai người không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau và chị L bỏ về nhà ngoại sinh sống được một thời gian, không ai quan tâm chăm sóc gì đến nhau. Nay chị L yêu cầu ly hôn, anh cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung như chị L trình bày. Nếu ly hôn, anh L1 có nguyện vọng được nuôi cả 03 cháu, anh L1 không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh L1 xác nhận và nhất trí như ý kiến của chị L.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục Tổ tụng, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự. Quá trình giải quyết, anh L1 đồng ý ly hôn với chị L nhưng không thoả thuận được về việc nuôi con. Vì vậy, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 phát biểu ý kiến:

Về Tổ tụng: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng trong vụ án đều tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự, không có vi phạm gì cần phải kiến nghị để khắc phục.

Về nội dung: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Thị L đối với anh Trương Đình L1.

Về con chung: đề nghị giao cháu Trương Đình Phúc N, cháu Trương Đình Phúc K cho anh L1 nuôi dưỡng, chăm sóc đến tuổi trưởng thành; giao cháu Trương Thị Bảo N1 cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không ai yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Trương Đình L1 có địa chỉ tại: Thôn P, xã B, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay xã B, thành phố H) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Huế theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Trương Đình L1 vắng mặt lần thứ hai dù đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ. Do đó, Hội đồng xét xử Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị L và anh Trương Đình L1 tự nguyện đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn vào ngày 19/6/2015 tại Ủy ban nhân dân xã B, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Ủy ban nhân dân xã B, thành phố H) nên là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay, chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh L1 và phía anh L1 cũng đồng ý ly hôn với chị L như ý kiến đã trình bày tại Biên bản ghi lời khai. Nhận thấy, sau khi kết hôn được một thời gian thì giữa vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do hai bên bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, thiếu tin tưởng nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2024 cho đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau. Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh L1 đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị L được ly hôn với anh Trương Đình L1.

[2.2] Về con chung: Chị L và anh L1 có 03 con chung là cháu Trương Đình Phúc N, sinh ngày 18/9/2014; cháu Trương Đình Phúc K, sinh ngày 29/6/2016 và cháu Trương Thị Bảo N1, sinh ngày 11/3/2021.

Chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N1; giao 02 con là cháu N và cháu K cho anh L1 trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L1 có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con đến tuổi trưởng thành. Nguyện vọng của

cháu N và cháu K đều mong muốn được ở cùng anh L1 nếu ba và mẹ phải ly hôn.

Theo khoản 1 Điều 71 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định “*Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên...*” và khoản 1 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định “*Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên...*”. Do đó, xét về quyền yêu cầu trực tiếp nuôi con của anh chị L và anh L1 đều chính đáng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện tại cháu N1 còn nhỏ (dưới 05 tuổi) rất cần sự trông nom, chăm sóc thường xuyên của mẹ; hiện tại, cháu N1 đang phát triển bình thường, khỏe mạnh. Vì vậy, giao cháu Trương Thị Bảo N1 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn là hợp lý.

Các cháu N và K đều có nguyện vọng ở với anh L1, hiện cả hai cháu đang sống và học tập ổn định cùng anh L1. Vì vậy, giao 02 cháu cho anh L1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cả hai cháu trưởng thành là hợp lý.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Huỳnh Thị L và anh Trương Đình L1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L, anh L1 khai không có và không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị L được ly hôn với anh Trương Đình L1.

2. Về con chung:

Giao hai cháu Trương Đình Phúc N, sinh ngày 18/9/2014 và Trương Đình Phúc K, sinh ngày 29/6/2016 cho anh T Đình Lành trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi);

Giao cháu Trương Thị Bảo N1, sinh ngày 11/3/2021 cho chị Huỳnh Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Chị Huỳnh Thị L và anh Trương Đình L1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung đối với người con mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001679 ngày 08/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Trà (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Huế), chị L đã nộp đủ.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết, tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP- Huế;
- VKSND KV3;
- THADS TP- Huế;
- UBND xã Bình Điền;
- Các đương sự;
- Lưu: dân, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Anh

